

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Thông tin không được cung cấp để tóm tắt về doanh nghiệp và xác định chuẩn kế toán áp dụng.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

- **Thiếu:**

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mục 2)
- Tài sản cố định vô hình (Mục 7)
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mục 8)
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mục 9)
- Tài sản dài hạn khác (Mục 10)
- Các khoản dự phòng (Mục 15)
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số (Mục 16)
- Các khoản dự trữ (Mục 18)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- **Thiếu:**

- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mục 2)
- Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Mục 12)
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong lãi hoặc lỗ sau thuế (Mục 16)
- Lợi nhuận thuần trong kỳ (Mục 17)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Cần có báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp để đối chiếu và đưa ra nhận xét.

2. Phân tích bảng cân đối kế toán.

Phần Nguồn Vốn:

- **Cơ cấu Nợ và Vốn Chủ Sở Hữu:** Phân tích tỷ trọng giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu để đánh giá mức độ tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Nếu nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn, cần xem xét khả năng thanh toán nợ và rủi ro tài chính. Ngược lại, tỷ trọng vốn chủ sở hữu lớn cho thấy sự ổn định và khả năng tự chủ cao hơn.
- **Cơ cấu Nợ Phải Trả:** Xem xét tỷ lệ giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn. Nợ ngắn hạn cao có thể gây áp lực thanh toán trong ngắn hạn, trong khi nợ dài hạn có thể

tạo gánh nặng lãi vay. Sự thay đổi trong cơ cấu nợ cần được đánh giá dựa trên kế hoạch kinh doanh và khả năng tạo dòng tiền của doanh nghiệp.

- **Biến Động Nguồn Vốn:** So sánh sự thay đổi của từng khoản mục nguồn vốn giữa các kỳ. Vốn chủ sở hữu tăng có thể do lợi nhuận giữ lại hoặc phát hành thêm cổ phiếu. Nợ phải trả tăng có thể do vay thêm vốn để mở rộng hoạt động hoặc do chậm thanh toán cho nhà cung cấp. Đánh giá tính hợp lý của các biến động này dựa trên tình hình kinh doanh và chiến lược tài chính của doanh nghiệp.

Phần Tài Sản:

- **Cơ cấu Tài Sản:** Xác định tỷ trọng của từng loại tài sản (ngắn hạn, dài hạn) trong tổng tài sản. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn lớn cho thấy doanh nghiệp tập trung vào các hoạt động kinh doanh hàng ngày, trong khi tỷ trọng tài sản dài hạn lớn cho thấy sự đầu tư vào cơ sở vật chất và các dự án dài hạn.
- **Tài Sản Ngắn Hạn:** Phân tích chi tiết các khoản mục trong tài sản ngắn hạn, đặc biệt là tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, và các khoản phải thu.
 - **Tiền và các khoản tương đương tiền:** Đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp.
 - **Hàng tồn kho:** Xem xét vòng quay hàng tồn kho và nguy cơ ứ đọng vốn.
 - **Các khoản phải thu:** Đánh giá khả năng thu hồi nợ và rủi ro nợ xấu.
- **Tài Sản Dài Hạn:** Phân tích các khoản mục như tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn, và các tài sản vô hình.
 - **Tài sản cố định:** Đánh giá mức độ khấu hao và hiệu quả sử dụng tài sản.
 - **Đầu tư tài chính dài hạn:** Xem xét hiệu quả của các khoản đầu tư và rủi ro liên quan.
- **Biến Động Tài Sản:** So sánh sự thay đổi của từng khoản mục tài sản giữa các kỳ. Tài sản cố định tăng có thể do đầu tư mở rộng sản xuất, trong khi hàng tồn kho tăng có thể do sản xuất không tiêu thụ được. Đánh giá tính hợp lý của các biến động này dựa trên tình hình kinh doanh và chiến lược đầu tư của doanh nghiệp.

Đánh Giá Chung:

- **Khoản Phải Thu Khách Hàng (TK 131):** Theo dõi sự biến động của khoản này để đánh giá chính sách bán hàng và khả năng thu hồi nợ của doanh nghiệp.
- **Khoản Phải Trả Nhà Cung Cấp (TK 331):** Xem xét sự thay đổi của khoản này để đánh giá mối quan hệ với nhà cung cấp và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- **Vốn Lưu Động:** Tính toán và theo dõi vốn lưu động (tài sản ngắn hạn trừ nợ ngắn hạn) để đánh giá khả năng thanh toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Phân tích Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh cho công ty chứng khoán cần tập trung vào các yếu tố đặc thù của ngành.

1. Doanh thu:

- **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:** Theo dõi sự thay đổi về giá trị tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng doanh thu. Sự tăng trưởng cho thấy khả năng thu hút và duy trì khách hàng, cũng như hiệu quả của hoạt động môi giới. Ngược lại, sự sụt giảm có thể do thị phần giảm, cạnh tranh gia tăng hoặc thị trường chung suy yếu.
- **Doanh thu từ hoạt động tự doanh:** Phản ánh hiệu quả của hoạt động đầu tư của công ty. Cần xem xét kỹ lưỡng danh mục đầu tư, chiến lược đầu tư và khả năng dự báo thị trường. Biến động lớn trong doanh thu tự doanh có thể ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận chung.
- **Doanh thu từ hoạt động tư vấn:** Thể hiện năng lực và uy tín của công ty trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, M&A, IPO... Tăng trưởng doanh thu tư vấn cho thấy công ty đang mở rộng phạm vi dịch vụ và thu hút được khách hàng lớn.
- **Doanh thu khác:** Bao gồm các khoản thu từ lưu ký chứng khoán, quản lý tài khoản... Cần xem xét tỷ trọng và sự ổn định của khoản mục này.

2. Chi phí:

- **Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán:** Bao gồm chi phí trả cho nhân viên môi giới, chi phí quảng cáo, chi phí giao dịch... Cần kiểm soát chi phí này để đảm bảo hiệu quả hoạt động môi giới.
- **Chi phí hoạt động tự doanh:** Gồm chi phí giao dịch, chi phí quản lý danh mục đầu tư... Cần đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và khả năng kiểm soát rủi ro.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Bao gồm lương nhân viên, chi phí thuê văn phòng, chi phí hành chính... Cần duy trì chi phí này ở mức hợp lý để tối ưu hóa lợi nhuận.

3. Lợi nhuận:

- **Lợi nhuận gộp:** Cho biết hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty. So sánh tỷ lệ lợi nhuận gộp giữa các kỳ để đánh giá khả năng sinh lời.
- **Lợi nhuận trước thuế:** Phản ánh kết quả kinh doanh tổng thể của công ty trước khi trừ thuế.
- **Lợi nhuận sau thuế:** Là chỉ số quan trọng nhất, cho biết lợi nhuận thực tế mà công ty thu được sau khi đã trừ thuế.

4. Phân tích thêm:

- **Tỷ lệ chi phí/doanh thu:** Đánh giá hiệu quả quản lý chi phí của công ty.
- **So sánh với các đối thủ cạnh tranh:** Xem xét vị thế của công ty trên thị trường.
- **Phân tích xu hướng:** Đánh giá triển vọng phát triển của công ty trong tương lai.

Nhận định chung:

Dựa trên sự thay đổi của các khoản mục doanh thu, chi phí và lợi nhuận, có thể đưa ra nhận định về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán. Ví dụ:

- Nếu doanh thu môi giới tăng trưởng mạnh, chi phí được kiểm soát tốt, lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế đều tăng, cho thấy công ty đang hoạt động hiệu quả và có tiềm năng phát triển.
- Nếu doanh thu tự doanh giảm mạnh do thị trường biến động, chi phí tăng cao, lợi nhuận giảm sút, cho thấy công ty đang gặp khó khăn và cần có biện pháp cải thiện.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Phân tích tổng quan:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy dòng tiền của doanh nghiệp trong kỳ, được phân loại theo ba hoạt động chính: kinh doanh, đầu tư và tài chính. Việc phân tích tập trung vào sự thay đổi của từng dòng tiền, tỷ trọng của chúng so với tổng dòng tiền, và nguyên nhân của sự biến động.

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh:

- **Xu hướng và biến động:** Xem xét dòng tiền từ hoạt động kinh doanh là dương hay âm, và xu hướng của nó qua các kỳ. Dòng tiền dương và ổn định cho thấy doanh nghiệp có khả năng tự tạo tiền để duy trì hoạt động. Nếu dòng tiền âm, cần xem xét nguyên nhân và khả năng bù đắp bằng các nguồn khác.
- **Tỷ trọng:** So sánh tỷ trọng của dòng tiền từ hoạt động kinh doanh so với tổng dòng tiền vào. Tỷ trọng cao cho thấy doanh nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động kinh doanh cốt lõi để tạo tiền.
- **Nguyên nhân:** Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, như biến động doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, và các khoản phải thu/phải trả.

Dòng tiền từ hoạt động đầu tư:

- **Mục đích sử dụng:** Xác định mục đích sử dụng tiền trong hoạt động đầu tư, như mua sắm tài sản cố định, đầu tư tài chính, hoặc thanh lý tài sản.
- **Ảnh hưởng:** Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đầu tư đến khả năng sinh lời và tăng trưởng của doanh nghiệp trong tương lai.
- **Biến động:** Xem xét sự thay đổi của dòng tiền từ hoạt động đầu tư qua các kỳ, và nguyên nhân của sự thay đổi đó.

Dòng tiền từ hoạt động tài chính:

- **Nguồn tài trợ:** Xác định nguồn tài trợ chính của doanh nghiệp, như vay nợ, phát hành cổ phiếu, hoặc nhận vốn góp.
- **Sử dụng vốn:** Đánh giá cách doanh nghiệp sử dụng vốn từ hoạt động tài chính, như trả nợ gốc, trả cổ tức, hoặc đầu tư vào các dự án mới.
- **Khả năng trả nợ:** Xem xét khả năng trả nợ của doanh nghiệp dựa trên dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và các nguồn khác.
- **Cổ tức:** Đánh giá khả năng doanh nghiệp trả cổ tức cho cổ đông.

Các chỉ số cần lưu ý:

- **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:** Chỉ số này dương trong nhiều kỳ cho thấy doanh nghiệp có dòng tiền ổn định để duy trì hoạt động. Nếu chỉ số này âm trong nhiều kỳ, doanh nghiệp có thể phải vay để bù đắp thiếu hụt.

Kết luận:

Dựa trên phân tích trên, đưa ra nhận định tổng quan về tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp, bao gồm khả năng tạo tiền, nhu cầu tài trợ, và rủi ro tiềm ẩn.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Doanh nghiệp None (Ngân hàng/Công ty Tài chính):

Do đặc thù của ngành ngân hàng và công ty tài chính, một số chỉ số truyền thống không áp dụng hoặc cần điều chỉnh. Dưới đây là các chỉ số có thể tính toán và ý nghĩa của chúng:

1. Chỉ số thanh khoản (Khả năng thanh toán):

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Giả định có số liệu)	Ý nghĩa
Thanh khoản hiện hành	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	<i>Cần số liệu cụ thể</i>	>1 là tốt. Khả năng thanh toán ngắn hạn.
Thanh khoản nhanh	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	<i>Cần số liệu cụ thể</i>	Loại trừ hàng tồn kho, sát thực hơn.
Thanh khoản tức thời	Tiền và tương đương tiền / Nợ ngắn hạn	<i>Cần số liệu cụ thể</i>	Khả năng trả nợ tức thời, rất nghiêm ngặt.

Lưu ý: Đối với ngân hàng, các chỉ số thanh khoản quan trọng hơn là tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tỷ lệ khả năng chi trả (LCR), và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR). Cần có số liệu chi tiết để tính toán.

2. Chỉ số đòn bẩy tài chính:

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Giả định có số liệu)	Ý nghĩa
Hệ số nợ	Tổng nợ / Tổng tài sản	<i>Cần số liệu cụ thể</i>	Phần tài sản tài trợ bằng nợ. Cao → rủi ro tài chính lớn.
Nợ trên vốn chủ	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	<i>Cần số liệu cụ thể</i>	Đo lường mức đòn bẩy tài chính.
Khả năng thanh toán lãi vay	EBIT / Chi phí lãi vay	<i>Cần số liệu cụ thể</i>	Khả năng trả lãi. >3 là an toàn.

Lưu ý: Đối với ngân hàng, cần xem xét thêm các tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Chỉ số hiệu quả hoạt động:

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Giả định có số liệu)	Ý nghĩa
Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	<i>Không áp dụng</i>	Không phù hợp với ngành ngân hàng.
Vòng quay khoản phải thu	Doanh thu thuần / Khoản phải thu bình quân	<i>Cần số liệu cụ thể</i>	Quản lý công nợ khách hàng.

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Giả định có số liệu)	Ý nghĩa
Vòng quay tổng tài sản	Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Cần số liệu cụ thể	Hiệu quả sử dụng tài sản.

Lưu ý: Đối với ngân hàng, cần xem xét thêm các chỉ số như tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR).

4. Chỉ số lợi nhuận:

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Giả định có số liệu)	Ý nghĩa
Biên lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	Cần số liệu cụ thể	Biên độ lợi nhuận trước chi phí.
Biên lợi nhuận ròng	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	Cần số liệu cụ thể	Lợi nhuận giữ lại trên mỗi đồng doanh thu.
ROA (Hiệu quả tài sản)	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	Cần số liệu cụ thể	Khả năng sinh lời trên tài sản.
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	Cần số liệu cụ thể	Khả năng sinh lời trên vốn chủ.

5. Chỉ số định giá (phục vụ đầu tư cổ phiếu):

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Giả định có số liệu)	Ý nghĩa
EPS	Lợi nhuận sau thuế / Số cổ phiếu lưu hành	Cần số liệu cụ thể	Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu.
P/E	Giá thị trường / EPS	Cần số liệu cụ thể	Giá cổ phiếu so với thu nhập. Cao → kỳ vọng tăng trưởng.
P/B	Giá thị trường / Giá trị sổ sách (BVPS)	Cần số liệu cụ thể	Định giá so với tài sản. <1 có thể là định giá thấp.

6. Các chỉ tiêu cơ bản khác phân tích theo năm:

Chỉ tiêu	Công thức / Ý nghĩa	Giá trị (Giả định có số liệu)
Doanh thu Thuần	Doanh thu bán - (trừ) Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại	<i>Cần số liệu cụ thể</i>
Giá vốn		<i>Cần số liệu cụ thể</i>
Lợi nhuận gộp	Doanh thu Thuần - Giá vốn	<i>Cần số liệu cụ thể</i>
Lợi nhuận trước thuế Thu nhập Doanh nghiệp		<i>Cần số liệu cụ thể</i>
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập Doanh nghiệp		<i>Cần số liệu cụ thể</i>

7. Tăng trưởng Doanh thu, lợi nhuận, Giá vốn,... Chi phí các năm:

- Công thức: $(\text{năm nay} - \text{năm trước}) / \text{năm trước} \times 100 (\%)$
- Cần số liệu của hai năm liên tiếp để tính toán.

8. Dòng tiền:

- **DOANH THU THUẦN (Net Cash Flow from Operating Activities - CFO):** Cần số liệu cụ thể từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- **TỶ SUẤT DÒNG TIỀN TỰ DO (Free Cash Flow to Equity - FCFE):** Cần số liệu cụ thể từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bảng cân đối kế toán.
 - Dòng tiền tự do (Free Cashflow) = Lưu chuyển tiền thuần từ hợp đồng kinh doanh - Dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định
- **XU HƯỚNG CỦA DÒNG TIỀN:** Cần số liệu dòng tiền của nhiều năm để phân tích.

Lưu ý chung:

- Cần có số liệu cụ thể từ Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ để tính toán chính xác các chỉ số.
- Việc so sánh các chỉ số với các ngân hàng/công ty tài chính tương đồng trong ngành và với các giai đoạn trước đó của chính doanh nghiệp là rất quan trọng để đưa ra đánh giá chính xác.
- Đối với ngành ngân hàng và công ty tài chính, cần đặc biệt chú ý đến các quy định và tỷ lệ an toàn vốn do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản:

- **Tỷ lệ vốn chủ sở hữu:** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. Nếu tỷ lệ này cao, công ty chứng khoán có thể đang an toàn về mặt tài chính, ít phụ thuộc vào nợ vay. Tuy nhiên, cũng cần xem xét liệu công ty có đang sử dụng vốn hiệu quả hay không. Nếu tỷ lệ này thấp, công ty có thể đang sử dụng đòn bẩy tài chính để tăng trưởng, nhưng rủi ro tài chính cũng sẽ cao hơn.
- **Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn:** Cần số liệu cụ thể để đánh giá.
 - **Tài sản ngắn hạn:** Tỷ lệ cao cho thấy khả năng thanh khoản tốt, nhưng có thể bỏ lỡ cơ hội đầu tư dài hạn. Tỷ lệ thấp có thể gây khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
 - **Tài sản dài hạn:** Tỷ lệ cao cho thấy công ty đang tập trung vào đầu tư dài hạn, có thể là mở rộng quy mô hoặc đầu tư vào các sản phẩm mới. Tuy nhiên, cần đảm bảo rằng các tài sản này đang được sử dụng hiệu quả.

2. Phân tích khả năng thanh toán:

- **Hệ số thanh toán hiện hành:** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. >1 cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tốt. Khoảng 1.5-2 thường được coi là an toàn.
- **Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. >3 là an toàn, cho thấy công ty có đủ lợi nhuận để trả lãi vay.
- **Hệ số vòng quay khoản phải thu:** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. Cho biết tốc độ thu hồi nợ từ khách hàng. Vòng quay cao hoặc kỳ thu tiền bình quân ngắn ngày là dấu hiệu tốt.
- **Hệ số vòng quay hàng tồn kho:** Không áp dụng cho công ty chứng khoán.

3. Phân tích đòn bẩy tài chính:

- **Hệ số nợ:** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. Tỷ lệ nợ cao có thể giúp công ty tăng trưởng nhanh, nhưng cũng làm tăng rủi ro tài chính. Cần so sánh với các công ty cùng ngành để đánh giá mức độ hợp lý.

4. Phân tích khả năng sinh lời:

- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS):** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. ROS cao cho thấy công ty quản lý chi phí tốt và có lợi thế cạnh tranh.
- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA):** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. ROA cao cho thấy công ty sử dụng tài sản hiệu quả để tạo ra lợi nhuận.

- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. ROE cao cho thấy công ty sử dụng vốn chủ sở hữu hiệu quả.
- **Thu nhập một cổ phần thường (EPS):** Cần số liệu cụ thể để đánh giá. EPS cao là dấu hiệu tốt, cho thấy mỗi cổ phiếu mang lại lợi nhuận lớn.

5. Phân tích dòng tiền:

- **Doanh thu thuần (Net Cash Flow from Operating Activities - CFO):** Cần số liệu cụ thể từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. CFO dương là dấu hiệu tốt, cho thấy công ty tạo ra tiền từ hoạt động kinh doanh chính.
- **Tỷ suất dòng tiền tự do (Free Cash Flow to Equity - FCFE):** Cần số liệu cụ thể từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bảng cân đối kế toán. FCFE cao cho thấy công ty có dòng tiền tốt và có khả năng đầu tư vào tăng trưởng.
- **Xu hướng của dòng tiền:** Cần số liệu dòng tiền của nhiều năm để phân tích. Giúp xác định giai đoạn trong chu kỳ kinh doanh của công ty.